

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Căn cứ Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Cơ sở ngoài công lập, như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là tất cả các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục- đào tạo; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; khoa học công nghệ; môi trường; xã hội; dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em (sau đây gọi tắt là cơ sở ngoài công lập) theo quy định tại Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ.

2. Cơ sở ngoài công lập thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành tại Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (dưới đây gọi là Quyết định 48/2006/QĐ-BTC) và Thông tư này. Thông tư này hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số tài khoản và phương pháp ghi chép một số tài khoản kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, giải thích nội dung, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính có thay đổi so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

3. Cơ sở ngoài công lập phải mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong kỳ và lập báo cáo tài chính theo quy định.

4. Kỳ kế toán: Kỳ kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập là kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Cơ sở ngoài công lập có đặc thù riêng về tổ

chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau. Khi thực hiện phải thông báo cho cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan Thuế quản lý trực tiếp biết.

5. Công khai

5.1. Nội dung công khai

Tình hình hoạt động và tình hình tài chính, bao gồm các nội dung:

- Công khai mức thu phí, lệ phí;
- Công khai mức hỗ trợ và số tiền NSNN hỗ trợ cho cơ sở ngoài công lập;
- Công khai các khoản đóng góp cho NSNN của cơ sở ngoài công lập;
- Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- Trích lập và sử dụng các quỹ;
- Kết quả hoạt động cung ứng dịch vụ và các hoạt động khác;
- Thu nhập của người lao động;
- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Hình thức và thời hạn công khai

Việc công khai được thực hiện theo các hình thức:

- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo bằng văn bản;
- Niêm yết;
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ sở ngoài công lập phải công khai hàng năm trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

5.3. Trách nhiệm công khai: Hội đồng quản trị, Hội đồng trường hoặc Thủ trưởng (Đối với cơ sở không có Hội đồng quản trị) cơ sở ngoài công lập thực hiện công khai theo điều lệ hoạt động của đơn vị mình.

6. Những quy định khác về kế toán không quy định trong Quyết định 48/2006/QĐ-BTC và Thông tư này được thực hiện theo Luật Kế toán, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính.

II- HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập thực hiện theo quy định tại Quyết định 48/2006/QĐ-BTC và các sửa đổi, bổ sung sau:

1. Bổ sung 4 tài khoản cấp 1:

Tài khoản 161 - Chi dự án

Tài khoản 441 - Nguồn kinh phí đầu tư XD CB
Tài khoản 461 - Nguồn kinh phí dự án
Tài khoản 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
và 1 tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán: Tài khoản 008 - Dự toán chi chương trình, dự án.

2. Không áp dụng các tài khoản trong Bảng Cân đối kế toán sau:

Tài khoản 3413 - Trái phiếu phát hành
Tài khoản 34131 - Mệnh giá trái phiếu
Tài khoản 34132 - Chiết khấu trái phiếu
Tài khoản 34133 - Phụ trội trái phiếu
Tài khoản 4112 - Thặng dư vốn cổ phần
Tài khoản 419 - Cổ phiếu quỹ.

Danh mục Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho Cơ sở ngoài công lập xem Phụ lục số 01.

3. Giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép các tài khoản kế toán bổ sung áp dụng cho cơ sở ngoài công lập

3.1. Tài khoản 161 - Chi dự án

Tài khoản này dùng để phản ánh số chi cho chương trình, dự án, đề tài đã được Nhà nước phê duyệt bằng nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp cho chương trình, dự án để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Hạch toán tài khoản này cần tuân trọng một số qui định sau:

- Tài khoản 161 “Chi dự án” chỉ sử dụng ở những cơ sở ngoài công lập được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và được NSNN cấp kinh phí để thực hiện chương trình, dự án, đề tài theo chương trình mục tiêu quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết chi phí của từng chương trình, dự án và tập hợp chi phí cho việc quản lý dự án, chi phí thực hiện dự án theo Mục lục Ngân sách Nhà nước và theo nội dung chi trong dự toán được duyệt của từng chương trình, dự án, đề tài;

- Đối với những khoản thu (nếu có) trong quá trình thực hiện chương trình, dự án được hạch toán vào bên Có TK 711 “Thu nhập khác” (Chi tiết: Thu thực hiện dự án). Tùy thuộc vào qui định xử lý của cơ quan cấp phát kinh phí, số thu trong quá trình thực hiện dự án được kết chuyển vào các tài khoản có liên quan;

- Tài khoản 161 được mở theo dõi lũy kế chi dự án từ khi bắt đầu thực hiện chương trình, dự án cho đến khi kết thúc chương trình, dự án được phê duyệt quyết toán bàn giao sử dụng;

- Hết kỳ kế toán năm, nếu quyết toán chưa được duyệt thì toàn bộ số chi chương trình, dự án trong năm được chuyển từ TK 1612 “Năm nay” sang TK 1611 “Năm trước” để theo dõi cho đến khi báo cáo quyết toán được duyệt.

b) Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 161 - Chi dự án

Bên Nợ: Chi thực tế cho việc quản lý, thực hiện chương trình, dự án.

Bên Có:

- Số chi sai bị xuất toán phải thu hồi;
- Số chi của chương trình, dự án được quyết toán với nguồn kinh phí dự án.

Số dư bên Nợ: Số chi chương trình, dự án chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng quyết toán chưa được duyệt.

Tài khoản 161- Chi dự án, có 2 tài khoản cấp 2 sau:

- Tài khoản 1611- Năm trước: Dùng để phản ánh các khoản chi chương trình, dự án thuộc kinh phí năm trước chưa được quyết toán.
- Tài khoản 1612- Năm nay: Phản ánh các khoản chi chương trình, dự án thuộc kinh phí năm nay.

Trong từng tài khoản cấp 2, cơ sở ngoài công lập có thể mở chi tiết chi quản lý chương trình, dự án và chi thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu quản lý.

c) Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

- Khi xuất quỹ tiền mặt, rút tiền gửi chi cho dự án để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 111- Tiền mặt

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

- Xuất nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ sử dụng cho dự án để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 153- Công cụ, dụng cụ.

- Dịch vụ mua ngoài sử dụng cho dự án để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có các TK 111, 112, 331,...

- Tiền lương và phụ cấp phải trả cho cán bộ chuyên trách và nhân viên hợp đồng của dự án để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 334- Phải trả người lao động.

- Thanh toán tạm ứng tính vào chi dự án, ghi :

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 141- Tạm ứng.

- Rút dự toán chi chương trình, dự án để chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 461- Nguồn kinh phí dự án.

Đồng thời ghi Có TK 0081- Dự toán chi chương trình, dự án (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán).

- Mua TSCĐ sử dụng cho chương trình mục tiêu quốc gia, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định

Có các TK 111, 112, 331...

Đồng thời ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

- Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ của dự án hoàn thành, ghi:

Nợ TK 161- Chi dự án

Có TK 241- XDCB dở dang.

- Những khoản chi dự án không đúng chế độ, quá tiêu chuẩn, định mức, không được duyệt y phải thu hồi chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138- Phải thu khác (1388- Phải thu khác)

Có TK 161- Chi dự án.

- Khi phát sinh các khoản thu ghi giảm chi dự án, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Nợ TK 112- Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 161- Chi dự án.

- Khi thu hồi các khoản chi dự án không đúng chế độ, quá tiêu chuẩn, định mức không được duyệt y theo quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ các TK 111, 334

Có TK 138 - Phải thu khác (1388- Phải thu khác)

- Khi nộp ngân sách Nhà nước các khoản chi dự án không đúng chế độ, quá tiêu chuẩn, định mức, không được duyệt y, ghi:

Nợ TK 461 - Nguồn kinh phí dự án

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

- Khi quyết toán chi dự án được duyệt kết chuyển số chi dự án để ghi giảm nguồn kinh phí, ghi:

Nợ TK 461- Nguồn kinh phí dự án

Có TK 161- Chi dự án.

3.2. Tài khoản 441 - Nguồn kinh phí đầu tư XDCB

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ sở ngoài công lập.

Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ sở ngoài công lập được hình thành do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau: